| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Nguyễn Anh Thư

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp TH, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Anh Đặng Văn Bé T2, sinh năm 1974

Địa chỉ: số xyz, Đường TL, ấp XY, xã PL, huyện BL, tỉnh Long An.

(Chị T1 có mặt và anh T2 vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:*

Do quen biết, được gia đình hai bên đồng ý nên chị T1 với anh Đặng Văn Bé T2 đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức vào ngày 10/5/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình cha mẹ chồng tại ấp 3B, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức đến đầu năm 2012 thì chị T1 về nhà cha ruột sống cho đến nay.

Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống nên chị T1 về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2012 và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị T1 không muốn hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị T1 với anh T2 có 02 con chung tên Đặng Ánh Ngọc, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Mỹ Ngọc, sinh ngày 29/9/2014; hiện nay, chị T1 đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T1 yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Đặng Văn Bé T2 trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T1 về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng, nhưng đến đầu năm 2012 thì chị T1 về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay là do đời sống kinh tế lúc đầu khó khăn, nhưng hiện nay đã ổn định, anh T2 nhiều lần rước vợ về sống chung nhưng chị T1 không đồng ý nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Chị T1 yêu cầu ly hôn thì anh T2 không đồng ý vì còn thương vợ.

Về con chung: Anh T2 với chị T1 có 02 con chung tên Đặng Ánh Ngọc, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Mỹ Ngọc, sinh ngày 29/9/2014; hiện nay, chị T1 đang nuôi dưỡng. Trương hợp Toà án cho ly hôn, anh T2 đồng ý để chị T1 tiếp tục nuôi 02 con, anh T2 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh T2 vắng mặt có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

***Về thủ tục tố tụng:***

[1] Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đăng Văn Bé T2. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Đặng Văn Bé T2 vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông T2.

[3] Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về tình cảm vợ chồng và con chung; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

***Về nội dung vụ án:***

[4] Chị T1 và anh T2 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức vào ngày 10/5/2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 với anh T2 là do bất đồng quan điểm quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng đã sống riêng từ năm 2012 và đến năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay; anh T2 nhiều lần đề nghị hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị T1 không đồng ý. Tại phiên toà, chị T1 kiên quyết xin được ly hôn với anh T2 vì không còn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T1 với anh T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T1 đối với anh T2.

[5] Chị T1 và anh T2 đều thừa nhận có hai con chung tên Đặng Ánh Ngọc, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Mỹ Ngọc, sinh ngày 29/9/2014; hiện nay, chị T1 đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được nuôi hai con thì anh T2 đồng ý. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu Ánh Ngọc và Mỹ Ngọc cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Các đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Tuyên xử;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T1 đối với anh Đặng Văn Bé T2.

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 được ly hôn với anh Đặng Văn Bé T2.

*Về nuôi con chung:* Chị T1 và anh T2 có hai con chung tên Đặng Ánh Ngọc, sinh ngày 07/02/2012 và Đặng Mỹ Ngọc, sinh ngày 29/9/2014; hiện nay, chị T1 đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T1 được tiếp tục nuôi hai con.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo Biên lai số 0006337 ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Phương**